

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-PT
Ngày: 07 - 4- 2021
V/v tranh chấp thừa kế theo
pháp luật.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt.

Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp thừa kế theo pháp luật.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2021/QĐPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1969; (*vắng mặt*)
2. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1971;
3. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977;
4. Bà Nguyễn Thị Xuân T1, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Châu Thị L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Xuân T1 và Châu Thị L: Anh Đinh Văn N, sinh năm 1977; là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 21/6/2019*) (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Châu Thị Thúy O, sinh năm 1961; (*có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/12/2020*)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre .

7. Bà Phan Thị Bé H1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H1: Chị Châu Thanh T5, sinh năm 1994; (*có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/12/2020*)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số nhà AAA, Khu phố X, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông B: chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1996; là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020*) (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Châu Văn T2, sinh năm 1987; (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre;

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh T2: Ông Nguyễn Nghệ A- Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Nghệ A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre;

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Châu Trường T3, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre;

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của Bà Nguyễn Thị L1 và anh Châu Trường T3: Anh Châu Văn T2, sinh năm 1987; là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 25/6/2019*) (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre

3. Bà Võ Thị H2, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà AAA, Tổ A, Khu phố C, phường P, Quận X, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H2: anh Nguyễn Hoàng L2, sinh năm 1988; là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020*). (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Trần Thị Lệ T4, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số nhà AAA, Tổ B, Khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà T4: chị Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1996; là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 15/9/2020*)

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Ủy ban nhân dân huyện M.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn U- Chức vụ: Chủ tịch;

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn N - Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân huyện.

6. Ông Nguyễn Thành B1, sinh năm 1942; (*có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 30/11/2020*)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:*

1. Bị đơn Anh Châu Văn T2;

2. Bị đơn Ông Nguyễn Văn B;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị H2;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của các nguyên đơn, bản khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, diện tích 70,2m² tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre là của cụ Q và cụ B nhận chuyển nhượng từ năm 1967, trên đất có 01 căn nhà của cụ Q và cụ B xây dựng nhưng không rõ năm. cụ B chết năm 1969, cụ Q chết năm 2008, cụ B và cụ Q có 05 người con gồm: Châu Văn M, Phan Thị L3, Châu Thị Thúy O, Châu Thị L và Phan Thị Bé H1. Khi cụ Q còn sống thì ông M là người nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Q đến cuối đời. Năm 1997 ông M tự ý đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M. Hộ ông M tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có Châu Thị Q, Châu Văn M, Châu Thị L, Phan Thị Bé H1, Nguyễn Thị L1 và Châu Văn T2. Việc ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các nguyên đơn và cụ Q không hay biết. ông M chết năm 2014, gia đình anh T2 tự ý làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho anh T2 mà không có sự đồng ý của bà L3 và Bà L là không đúng theo quy định pháp luật nhưng sau đó anh T2 lại chuyển nhượng phần đất này cho ông B. Sau đó ông B chuyển nhượng cho bà H2 nhưng bà H2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những lý do trên anh yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Châu Văn M, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Anh Châu Văn T2, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ông Nguyễn Văn B và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Văn B và Bà Võ Thị H2. Yêu cầu Tòa án chia thừa kế là di sản thừa kế của cụ B và cụ Q đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, diện tích 70,2m², tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre thành 05 phần bằng nhau, nhưng do phần đất có diện tích nhỏ và gia đình anh T2 là người quản lý di sản này nên các nguyên đơn yêu cầu chia giá trị di sản thừa kế, cụ thể:

+ Bà Châu Thị L được nhận di sản thừa kế tương ứng với số tiền 315.900.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh T, Ông Nguyễn Thanh P, Ông Nguyễn Thanh H và Bà Nguyễn Thị Xuân T1 nhận di sản thừa kế của bà L3 để lại tương ứng với số tiền là 315.900.000 đồng.

+ Nếu bà O và chị T5 từ chối nhận di sản đối với phần di sản thừa kế là thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, diện tích 70,2m² tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre thì các nguyên đơn chỉ yêu cầu nhận đúng phần giá trị kỷ phần thừa kế là 1/5 giá trị quyền sử dụng đất trên, không yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế mà chị T5 và bà O từ chối nhận, không yêu cầu chia giá trị căn nhà cất trên thửa đất này mà đồng ý để cho Châu Văn T2 được quản lý sử dụng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Anh Châu Văn T2 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ B và cụ Q (ông bà nội của anh) cho cha anh là ông Châu Văn M. ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. cụ Q và cụ B có 05 người con gồm: Châu Văn M, Phan Thị L3, Châu Thị Thúy O, Châu Thị L và Phan Thị Bé H1. Đến ngày 31/8/2014 ông Châu Văn M chết không để lại di chúc. Sau khi ông M chết thì anh làm thủ tục nhận thừa kế thừa đất số 98, tờ bản đồ số 38, diện tích 70,2m², tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre dưới sự đồng ý của mẹ anh là Bà Nguyễn Thị L1, em trai anh là anh Châu Trường T3. Anh đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/11/2014. Đến năm 2018 các nguyên đơn gửi đơn tranh chấp thừa kế đến Ủy ban nhân dân xã H. Ngày 19/7/2018 Ủy ban nhân dân xã H tiến hành hòa giải về việc yêu cầu chia thừa kế thừa đất nêu trên, nhưng kết quả hòa giải không T2. Đến ngày 11/01/2018 anh xác định thừa đất này là tài sản của cá nhân anh nên anh đã chuyển nhượng phần đất này cho Ông Nguyễn Văn B với số tiền 1.000.000.000 đồng và ông B đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai M điều chỉnh trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên anh sang tên Ông Nguyễn Văn B. Đến ngày 20/12/2018 ông B đã chuyển nhượng cho Bà Võ Thị H2 và bà H2 đã quản lý phần đất này từ đó cho đến nay. Do đó, anh không đồng ý yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đồng ý chia thừa kế. Đối với căn nhà xây dựng trên phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Q và cụ B nhưng quá trình quản lý, sử dụng cha mẹ anh là bà L1 và ông M có tu sửa thêm căn nhà nhưng anh không rõ là sửa chữa như thế nào, tuy nhiên các nguyên đơn không yêu cầu chia giá trị căn nhà nên anh cũng không có yêu cầu gì đối với công sức đóng góp, tu bổ căn nhà.

Bà Nguyễn Thị L1 và anh Châu Trường T3 là mẹ và em ruột của anh nhưng bà L1 và anh T3 từ chối nhận di sản thừa kế của ông M, không có yêu cầu hay thắc mắc gì.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B và Bà Trần Thị Lệ T4 là chị Huỳnh Thị Kim C trình bày:

ông B đã nhận chuyển nhượng phần đất từ Anh Châu Văn T2 không rõ giá chuyển nhượng. Hiện nay ông B và bà T4 đã chuyển nhượng cho Bà Võ Thị H2 với giá 1.700.000.000 đồng. ông B không biết nguồn gốc đất từ đâu mà anh T2 có, ông chỉ biết đất này là do anh T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông mới nhận chuyển nhượng. Do đó, chị đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B với Anh Châu Văn T2, và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Văn B và Bà Trần Thị Lệ T4 với Bà Võ Thị H2. Căn nhà này bà H2 mua hợp pháp và bà H2 đang quản lý, sử dụng căn nhà. Hiện tại hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà H2 và ông B đã hoàn thành các thủ tục về thuế nhưng chưa được đăng ký vào sổ địa chính. Nếu có căn cứ hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông B và bà T4

không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng, nếu ông B và bà T4 có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

**Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Bà Võ Thị H2 là anh Trần N2 trình bày:*

Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập của Bà Võ Thị H2 về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà Võ Thị H2 với Ông Nguyễn Văn B và Bà Trần Thị Lệ T4 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, diện tích 70,2m² tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vì bà H2 đã quản lý và sử dụng căn nhà này từ khi ký hợp đồng cho đến nay. Nếu có căn cứ hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà H2 không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng, nếu bà H2 có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Thành B1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:

Ông và bà Phan Thị L3 kết hôn năm 1967, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 30/4/1997. Đến ngày 29/7/2006 bà L3 chết không để lại di chúc, ông và bà L3 có 04 người con gồm: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị Xuân T1. Ông là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L3; các con ông đang yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Q và cụ B đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre thì ông không yêu cầu được nhận di sản thừa kế mà để Tòa án chia cho các con của ông theo quy định pháp luật, ông không có khiếu nại hay tranh chấp gì.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M vắng mặt, không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 219 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, 202 và 203 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 615, 620, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Bé H1 và Chị Châu Thanh T5.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Châu Thị L, Ông Nguyễn Thanh T, Ông Nguyễn Thanh P, Ông Nguyễn Thanh H và Bà Nguyễn Thị Xuân T1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với căn nhà cất trên thửa đất tranh chấp.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Võ Thị H2.

Cụ thể tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện M) cấp cho hộ ông Châu Văn M vào ngày 22/01/1997 đối với thửa đất số 361 (thửa mới 98), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 38), tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre.

Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO 1849 cấp cho Anh Châu Văn T2 vào ngày 22/11/2014 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai M hủy bỏ phần điều chỉnh trang 4 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO 1849 cấp cho Anh Châu Văn T2 vào ngày 22/11/2014 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre có nội dung “Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1967, CMND số: 320609596, Địa chỉ thường trú: ấp P, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo hồ sơ số 010143.CN.001”

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Văn B và Bà Trần Thị Lệ T4 đối với Bà Võ Thị H2 vào ngày 26/12/2018 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+Bà Châu Thị L được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 315.900.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ hoàn lại cho Bà Châu Thị L số tiền 315.900.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh T được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 78.975.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Thanh T số tiền 78.975.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh P được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 78.975.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Thanh P số tiền 78.975.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh H được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 78.975.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Thanh H số tiền 78.975.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân T1 được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 78.975.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị Xuân T1 số tiền 78.975.000 đồng.

+ Anh Châu Văn T2 được phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất tương ứng với số tiền 947.700.000 đồng và toàn quản lý sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, diện tích 70,2m², tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Phần đất nêu trên được thể hiện trong Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 27/8/2020 do Đội đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thực hiện đo vẽ kèm theo, là một phần của bản án, không tách rời bản án).

Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục, điều chỉnh, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật như nội dung bản án đã tuyên khi Anh Châu Văn T2 đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ tài chính đối với Bà Châu Thị L, Ông Nguyễn Thanh T, Ông Nguyễn Thanh P, Ông Nguyễn Thanh H và Bà Nguyễn Thị Xuân T1 và nghĩa vụ án phí như nội dung bản án đã tuyên).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác và không có yêu cầu xử lý hậu quả của việc hủy các giao dịch dân sự nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 05/01/2020, bị đơn Anh Châu Văn T2 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 07/01/2020, bị đơn Ông Nguyễn Văn B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T2 và ông, công nhận hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất giữa ông và bà H2 vì việc ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Châu Văn T2 đã hoàn thành, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông và vợ ông đã chuyển nhượng cho Bà Võ Thị H2. Ông không biết có việc tranh chấp thừa kế.

- Ngày 07/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Võ Thị H2 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B và bà vì bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông B, bà T4 là ngay tình, bà hoàn toàn không biết việc tranh chấp vì giao dịch tại phòng Công chứng, đã giao nhận tiền, quyền sử dụng đất, nhà xong, nộp hồ sơ đăng bộ và hoàn thành nghĩa vụ thuế, chỉ chờ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Anh Châu Văn T2, Ông Nguyễn Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Võ Thị H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Anh Châu Văn T2 phát biểu ý kiến: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của Anh Châu Văn T2. Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Anh Châu Văn T2, Ông Nguyễn Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Võ Thị H2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn Anh Châu Văn T2, Ông Nguyễn Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Võ Thị H2;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 10/5/2019 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế của cụ Q đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đến ngày 30/10/2020 các

nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của hộ ông Châu Văn M thì các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Q và cụ B đối với thửa đất trên.

[2] Nguồn gốc phần đất tranh chấp nguyên đơn cho rằng của cụ Q và cụ B nhận chuyển nhượng từ năm 1967. Năm 1969 cụ B chết, cụ Q và các con tiếp tục ở trên đất. Năm 1997, ông Châu Văn M đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Châu Văn M. Năm 2014 ông M chết. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M làm thủ tục phân chia di sản thừa kế của ông M để Anh Châu Văn T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, anh T2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho Ông Nguyễn Văn B, ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng hình thức điều chỉnh trang 4 ngày 17/11/2018. Sau đó, ông B chuyển nhượng cho Bà Võ Thị H2 nhưng bà H2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn Anh Châu Văn T2 thừa nhận nguồn gốc đất của cụ Q và cụ B nhưng cho rằng cụ Q và cụ B đã cho ba anh là ông Châu Văn M nên ông M đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. Khi ông M chết thì anh nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ ông M dưới sự đồng ý của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M.

[3] Xét thấy, nguồn gốc đất các bên đương sự đều thừa nhận của cụ Q và cụ B. cụ B chết năm 1967. cụ Q chết năm 2008. Năm 1997, ông M con của cụ B và cụ Q đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M đối với thửa đất số 361 (nay là thửa 98) và 669 trong cùng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù sổ mục kê đã kê khai cá nhân ông M nhưng từ khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông M đến khi ông M chết, các thành viên trong hộ cũng như người thuộc các hàng thừa kế của ông M cũng không khiếu nại để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứng tỏ rằng mặc nhiên các thành viên này thừa nhận quyền sử dụng đất của hộ và có nguồn gốc đất từ cụ Q, cụ B. Mặc dù cụ B chết từ lâu nhưng cụ Q quản lý, sử dụng nên được xem là di sản của cụ Q như bản án sơ

thẩm chấp nhận là có căn cứ. Bà L và những người thuộc hàng thừa kế của bà L3 chỉ yêu cầu nhận 1/5 giá trị thửa đất tương đương với số tiền 315.900.000 đồng là ít hơn một ki phần mà lẽ ra Bà L và những người thuộc hàng thừa kế của bà L3 được nhận, phần còn lại tương đương giá trị 947.700.000 đồng để ông Châu Văn T2 được nhận, nên Tòa cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp. Anh Châu Văn T2 là người quản lý di sản nhưng đã chuyển quyền sử dụng cho người khác thông qua giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên anh T2 có nghĩa vụ trả cho Bà Châu Thị L số tiền 315.900.000 đồng, trả cho Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thị Xuân T1 mỗi người số tiền là 78.975.000 đồng.

[4] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Anh Châu Văn T2 và Ông Nguyễn Văn B: Khi lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất anh T2 là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng chuyển nhượng được lập theo mẫu, có công chứng theo qui định của pháp luật. Các bên đã thực hiện xong hợp đồng, bên chuyển nhượng đã giao đất, bên nhận chuyển nhượng đã giao tiền. Khi nhận chuyển nhượng ông B không biết thửa đất tranh chấp, các nguyên đơn cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh ông B biết thửa đất này đang tranh chấp. Mặc dù hợp đồng ghi giá trị không đúng thực tế nhưng các bên không tranh chấp về giá trị nên không vô hiệu.

[5] Tương tự đối với hợp đồng chuyển nhượng giữa Ông Nguyễn Văn B với Bà Võ Thị H2. Khi lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông B là người có quyền sử dụng đất hợp pháp do việc điều chỉnh thửa 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T2, công nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Hợp đồng chuyển nhượng được lập theo mẫu, có công chứng theo qui định của pháp luật. Các bên đã thực hiện xong hợp đồng, bên chuyển nhượng đã giao đất, bên nhận chuyển nhượng đã giao tiền, việc bà H2 nhận chuyển nhượng từ ông B là ngay tình. Các bên trong hợp đồng chuyển nhượng không có tranh chấp, vẫn có ý chí tiếp tục thực hiện hợp đồng nên hợp đồng không vô hiệu. Bản án sơ thẩm hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/12/2018 giữa

Ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị Lệ T4 với Bà Võ Thị H2 làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của bà T4. Vì vậy, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/12/2018 giữa Ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị Lệ T4 với Bà Võ Thị H2 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Anh Châu Văn T2; chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn B; chấp nhận kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Võ Thị H2; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M. [4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do bản án sơ thẩm bị sửa, yêu cầu độc lập của Bà Võ Thị H2 được chấp nhận nên Bà Võ Thị H2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn Anh Châu Văn T2, Ông Nguyễn Văn B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị H2 không phải chịu án phí phúc thẩm; Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Anh Châu Văn T2;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn B;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị H2.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2020/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M. Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 166, 202 và 203 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 615, 620, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Bé H1 và Chị Châu Thanh T5.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Châu Thị L, Ông Nguyễn Thanh T, Ông Nguyễn Thanh P, Ông Nguyễn Thanh H và Bà Nguyễn Thị Xuân T1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với căn nhà cất trên thửa đất tranh chấp.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện M) cấp cho hộ ông Châu Văn M vào ngày 22/01/1997 đối với thửa đất số 361 (thửa mới 98), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới 38), tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO 1849 cấp cho Anh Châu Văn T2 vào ngày 22/11/2014 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Văn B và Bà Trần Thị Lệ T4 đối với Bà Võ Thị H2 vào ngày 26/12/2018 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Bà Võ Thị H2. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Văn B và Bà Trần Thị Lệ T4 đối với Bà Võ Thị H2 vào ngày 26/12/2018 đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Võ Thị H2 được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật như nội dung bản án đã tuyên.

(Phần đất nêu trên được thể hiện trong Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 27/8/2020 do Đội đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thực hiện đo vẽ kèm theo, là một phần của bản án, không tách rời bản án).

7. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Châu Thị L được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 315.900.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ hoàn lại cho Bà Châu Thị L số tiền 315.900.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh T được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 78.975.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Thanh T số tiền 78.975.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh P được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 78.975.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Thanh P số tiền 78.975.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh H được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 78.975.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Thanh H số tiền 78.975.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân T1 được phân chia di sản thừa kế tương đương số tiền 78.975.000 đồng. Buộc Anh Châu Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị Xuân T1 số tiền 78.975.000 đồng.

+ Anh Châu Văn T2 được phân chia di sản thừa kế tương ứng với số tiền 947.700.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí đo đạc, định giá tài sản là 4.724.000 đồng (đã thanh toán xong).

Bà Châu Thị L phải chịu là 1.574.000 đồng. (một triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng)

Ông Nguyễn Thanh T, Ông Nguyễn Thanh P, Ông Nguyễn Thanh H và Bà Nguyễn Thị Xuân T1 mỗi người phải chịu là 394.000 đồng.

Anh Châu Văn T2 phải chịu là 1.574.000 đồng nên anh T2 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà Châu Thị L, Ông Nguyễn Thanh P, Ông Nguyễn Thanh T, Ông Nguyễn Thanh H và Bà Nguyễn Thị Xuân T1 số tiền này.

9. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Châu Thị L phải chịu án phí đối với phần tài sản mà bà được nhận là 15.975.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.746.000 đồng theo các biên lai thu số 0003563 ngày 23/5/2019 và biên lai thu số 0002993 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên Bà L còn phải nộp thêm số tiền là 6.229.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí đối với phần tài sản mà ông được nhận là 3.948.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.081.000 đồng theo các biên lai số 0003559 ngày 23/5/2020; biên lai số 0003086 ngày 16/11/2020 và biên lai số 0002996 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên ông T còn phải nộp thêm 2.867.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh P phải chịu án phí đối với phần tài sản mà ông được nhận là 3.948.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.081.000 đồng theo các biên lai số 0003558 ngày 23/5/2020; biên lai số 0003084 ngày 16/11/2020 và biên lai số 0002995 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên ông T còn phải nộp thêm 2.867.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí đối với phần tài sản mà ông được nhận là 3.948.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.081.000 đồng theo các biên lai số 0003559 ngày 23/5/2020; biên lai số 0003085 ngày 16/11/2020 và biên lai số 0002994 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên ông T còn phải nộp thêm 2.867.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân T1 phải chịu án phí đối với phần tài sản nhận là 3.948.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.081.000 đồng theo các biên lai số 0003566 ngày 23/5/2020; biên lai số 0003087 ngày 16/11/2020 và biên lai số 0002997 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên ông T còn phải nộp thêm 2.867.000 đồng.

+ Anh Châu Văn T2 phải chịu án phí đối với phần tài sản mà anh được nhận là 40.431.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

+ Bà Võ Thị H2 không phải chịu. Hoàn lại cho bà H2 tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003078 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

+ Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng cho Ông Nguyễn Thanh T, Ông Nguyễn Thanh P, Ông Nguyễn Thanh H, Bà Nguyễn Thị Xuân T1, Bà Châu Thị L, Bà Phan Thị Bé H1 và Bà Châu Thị Thúy O theo biên lai thu số 0003562 và biên lai thu số 0003561 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

+ Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.624.000 đồng cho Chị Châu Thanh T5 theo biên lai thu số 0002999 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

+ Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 9.000.000 đồng cho Bà Phan Thị Bé H1 theo biên lai thu số 0003564 ngày 23/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

+ Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.800.000 đồng cho Bà Châu Thị Thúy O theo biên lai thu số 0003565 ngày 23/5/2020 và biên lai số 0002998 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

10. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Châu Văn T2 không phải chịu. Hoàn lại cho anh T2 tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005815 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Ông Nguyễn Văn B không phải chịu. Hoàn lại cho ông B tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005835 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Bà Võ Thị H2 không phải chịu. Hoàn lại cho bà H2 tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005836 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng